

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp: 20COT (N1)

Số tín chỉ: 03

Ngày thi: 29/01/2021

Môn: Tiếng anh căn bản

Hệ: CDCQ

Phòng thi: 09

Địa điểm thi: Số 12 Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Trần Thanh	An	19/08/2002	4.7	Bốn bảy	
2	Lê Huỳnh Bảo	Châu	14/04/2002	5.0	Năm	
3	Lê Phi	Cơ	01/02/2002	5.1	Năm một	
4	Đỗ Thanh	Đăng	05/10/2002	2.0	Hai	
5	Nguyễn Hoàng	Đạt	28/11/2002	5.1	Năm một	
6	Ngô Tính	Đạt	16/08/2002	6.9	Sáu chín	
7	Diệp Võ Thành	Đồng	25/05/2002	6.6	Sáu sáu	
8	Lê Văn	Dừa	02/04/2002	2.1	Hai một	
9	Trần Huỳnh Đại	Dũng	19/01/2000	2.9	Hai chín	
10	Lâm Tấn	Dũng	21/11/2002	5.3	Năm ba	
11	Ngô Tấn	Duy	14/01/2002	3.3	Ba ba	
12	Nguyễn Hoàng	Duy	23/06/2002	2.2	Hai hai	
13	Phạm Văn	Giang	14/01/2001	1.8	Một tám	
14	Nguyễn Văn	Hiệp	12/09/2000	7.9	Bảy chín	
15	Nguyễn Trung	Hiếu	21/07/2002	5.5	Năm năm	
16	Nguyễn Trung Duy	Hùng	06/07/1994	5.7	Năm bảy	
17	Trần Phi	Hùng	28/12/2002	5.0	Năm	
18	Huỳnh Phước	Khang	03/09/2002	1.2	Một hai	
19	Lê Trọng	Khang	11/12/2002	2.3	Hai ba	
20	Nguyễn Đình	Khang	06/04/2001	4.2	Bốn hai	
21	Nguyễn Hoàng	Khang	19/10/2002	3.8	Ba tám	
22	Danh Hà Hồng	Khánh	16/12/2002	4.3	Bốn ba	
23	Ông Thành	Khoa	27/11/2002	4.7	Bốn bảy	
24	Phạm Duy	Linh	03/03/2002	2.6	Hai sáu	
25	Phạm Phước	Lộc	09/10/2001	4.0	Bốn	
26	Châu Hiếu	Lộc	26/09/2000	1.1	Một một	
27	Nguyễn Thành	Long	19/09/2002	2.1	Hai một	
28	Hà Sấm	Mĩnh	13/07/2002	6.0	Sáu	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
29	Phạm Hữu	Nghi	05/03/2002	2.3	Hai ba	
30	Huỳnh Thái	Nguyên	03/12/2002	3.8	Ba tám	
31	Nguyễn Thanh	Nhân	15/03/2002	7.9	Bảy chín	
32	Trần Đình	Phước	15/06/2001	2.9	Hai chín	
33	Nguyễn Hoàng	Phương	13/07/2002	3.2	Ba hai	
34	Huỳnh Hoài	Phương	05/03/2002	3.6	Ba sáu	
35	Nguyễn Nhật	Phương	04/06/2001	3.3	Ba ba	
36	Bùi An	Tâm	08/03/2002	3.1	Ba một	
37	Trần Quốc	Thái	25/05/2001	4.3	Bốn ba	
38	Phương Văn	Thắng	28/01/1998	6.3	Sáu ba	
39	Nguyễn Đức	Thanh	23/06/2001	2.4	Hai bốn	
40	Ngô Văn	Thọ	19/06/2002	1.4	Một bốn	
41	Đỗ Bùi	Tiên	05/09/2000	3.3	Ba ba	
42	Nguyễn Ngọc	Tuấn	30/11/1999	6.8	Sáu tám	
43	Nguyễn Hữu	Văn	05/11/2000	1.8	Một tám	
44	Trần Thái	Vinh	15/04/2001	3.8	Ba tám	
45	Vũ Văn	Bình	16/03/2000	4.1	Bốn một	18COT
46	Võ Lê Phương	Anh	05/09/1999	9.9	Chín chín	18CDD
47	Nguyễn Thị	Hạnh	01/08/1998	5.3	Năm ba	17CXN
48	Trần Thị Kim	Liên	24/04/1996	3.5	Ba năm	17CXN

Số SV dự thi: 48

Số SV vắng thi: 01

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ:

Phòng Khảo thí & ĐBCL


ThS. Nguyễn Thanh Quí